

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ CẢ NƯỚC
Tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2011 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2010</i>	<i>Tháng 12 năm 2010</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	118,41	112,17	101,74
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	123,58	116,59	102,47
<i>1- Lương thực</i>	129,27	115,55	102,28
<i>2- Thực phẩm</i>	122,38	117,95	102,74
<i>3- Ăn uống ngoài gia đình</i>	121,16	113,36	101,80
II, Đồ uống và thuốc lá	116,26	110,14	101,67
III, May mặc, mũ nón, giày dép	113,97	108,99	101,81
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	126,59	115,37	101,33
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,17	106,80	100,77
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	105,11	104,25	100,36
VII, Giao thông	115,13	104,03	100,81
VIII, Bưu chính viễn thông	90,06	94,14	99,94
IX, Giáo dục	127,53	122,50	102,89
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	107,85	105,51	100,58
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	118,73	110,51	101,04
 CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	 185,29	 133,87	 99,95
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	118,66	109,45	99,68

^(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng